

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2025/KDTM-PT

Ngày: 26-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán:

Bà Lưu Thị Đoan Trang

Ông Bùi Trọng Nghĩa

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26-5-2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2025/TLPT-KDTM ngày 25-02-2025, về việc “tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 248/2024/KDTM-ST ngày 17-9-2024 của Toà án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1805/2025/QĐ-PT ngày 04-4-2025; Quyết định hoãn phiên toà số 4253/2025/QĐ-PT ngày 29-4-2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T4

Địa chỉ: Tầng E Tòa nhà F, 2 L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Hòa T, địa chỉ: 3 đường M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 29-12-2023) (có mặt)

Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần B

Địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Nhật H, địa chỉ liên lạc: B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 0824/2024-BM/VP ngày 20-5-2024) (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TNHH I1

Trụ sở: I N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Quốc S; địa chỉ: Số A, đường E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 09/UQ-IVBCL/2025 ngày 03-02-2025 (có đơn xin vắng mặt)

Người làm chứng: ông Võ Phước T1, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Tổng Công ty Cổ phần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T4 (sau đây gọi tắt là Công ty T4) sở hữu xe ô tô tải biển kiểm soát số 50H-184.67, giấy đăng ký xe số 50 157009 cấp ngày 01-8-2022; nhãn hiệu Isuzu, trọng tải 13,4 tấn; số chỗ ngồi: 03; sản xuất năm 2022.

Ngày 01-8-2023, Công ty T4 ký kết Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VCE/02433343 với Bảo Minh A là công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần B để bảo hiểm vật chất xe ô tô tải biển kiểm soát 50H-184.67 nêu trên; thời hạn bảo hiểm từ 13 giờ 00 phút ngày 01-8-2023 đến 13 giờ 00 phút ngày 01-8-2024. Khi mua xe ô tô tải này Công ty T4 có vay vốn từ Ngân hàng TNHH I1 chi nhánh C, thời gian từ ngày 03-8-2022 đến ngày 03-8-2027.

Vào lúc 00 giờ 50 phút ngày 12-9-2023, trong quá trình di chuyển trên đường từ Thành phố Hồ Chí Minh về thành phố L, tỉnh An Giang đến khu vực xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp thì lái xe Võ Phước T1 bất cẩn đâm xe ô tô tải biển kiểm soát số 50H-184.67 vào dải phân cách của quốc lộ N làm xe hư hỏng nặng phần gầm; không có thiệt hại về người và tài sản khác.

Ngay sau khi sự cố xảy ra, lái xe Võ Phước T1 đã chủ động gọi đường dây nóng của công ty bảo hiểm để thông báo tai nạn và báo công an địa phương để ghi nhận hiện trường. Tuy nhiên, do đây là tự gây tai nạn trong quá trình di chuyển, không phải tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản nên công an địa phương không đến ghi nhận hiện trường.

Lúc 14 giờ 20 phút chiều cùng ngày 12-9-2023, lái xe Võ Phước T1 đến bệnh viện H2 tại số B đường T, thành phố L, tỉnh An Giang kiểm tra nồng độ cồn trong máu.

Ngày 13-9-2023, lái xe Võ Phước T1 làm thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường gửi Bảo Minh A.

Đến ngày 20-10-2023, Bệnh viện H2 có Giấy xác nhận số 64/XN-BVĐKHP trả lời kết quả xét nghiệm nồng độ cồn có trong máu của lái xe Võ Phước T1 vào ngày xét nghiệm 12-9-2023 là 2.1 mg/dL, trong giới hạn bình thường (chỉ số bình thường < 10,1 mg/dL).

Ngày 04-12-2023, Tổng Công ty Cổ phần B có văn bản số 0812/2023-TTBT TP H thông báo từ chối trách nhiệm bảo hiểm vật chất đối với xe ô tô tải biển kiểm soát số 50H-184.67 của Công ty T4.

Không đồng ý với việc từ chối chi trả bảo hiểm nêu trên vì chỉ số nồng độ cồn mà cơ sở y tế xác nhận là bình thường và lái xe Võ Phước T1 không uống rượu bia trước và trong khi lái xe. Do đó, ngày 15-12-2023, Công ty T4 phản đối việc từ chối bảo hiểm vật chất xe 50H-184.67 của Tổng Công ty Cổ phần B. Đồng thời, Công ty T4 thông báo đến Tổng Công ty Cổ phần B được biết, Công ty T4 sẽ chi trả chi phí sửa chữa xe 50H-184.67 để đưa xe vào vận hành khai thác và Công ty T4 sẽ thực hiện quyền khởi kiện để yêu cầu Tổng Công ty B chi trả bảo hiểm vật chất.

Theo hợp đồng dịch vụ về cung cấp phụ tùng và sửa chữa xe ô tô số 46/1223/HĐDV- ISAL của Xí nghiệp D ngày 10-12-2023, tổng số tiền sửa chữa xe là 526.301.424 (năm trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm lẻ một nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng (đã bao gồm thuế VAT). Công ty T4 đã thanh toán cho I An Lạc ngày 15-12-2023 số tiền 426.301.424 đồng, tiền đặt cọc vào ngày 31-10-2023 khi đưa xe đến garage Isuzu An Lạc là 50.000.000 đồng; còn 50.000.000 đồng đợt cuối bảo hành nên chưa thanh toán.

Ngoài ra, Công ty T4 có thuê ông Ngô Văn Z, địa chỉ tại F khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ vận chuyển cầu kéo xe tai nạn biển số 50H-184.67 từ cầu V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nơi bị tai nạn) về garage I2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12-9-2023 với số tiền là 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Tổng số tiền mà Công ty T4 đã bỏ ra để cầu xe và sửa xe là 535.301.424 (năm trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm lẻ một nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

Nay, Công ty T4 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty Cổ phần B chi trả một lần tiền cầu xe và sửa xe là 535.301.424 đồng cho Công ty T4.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Bị đơn – Tổng Công ty Cổ phần B trình bày:

Căn cứ khoản 4 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm của Bảo M có quy định như sau:

“Điều 17. Những trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bảo M: Lái xe đang điều khiển xe trên đường mà có nồng độ cồn trong máu hoặc khi thở vượt quá quy định của pháp luật hiện hành hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm”

Căn cứ khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008, được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 35 Luật Phòng, Chống tác hại của rượu, bia 2019 quy định: “Các hành vi bị nghiêm cấm: Điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”.

Như vậy, theo quy định của Bảo M thì trường hợp lái xe điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở thì tổn thất xảy ra không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bảo M.

Xét thấy, khoảng 00h50 phút ngày 12-9-2023, lái xe Võ Phước T1 điều khiển xe 50H-184.67 khi đến khu vực cầu V, xã Đ, huyện L, Đồng Tháp do không làm chủ được tay lái, đã đâm vào dải phân cách giữa làn đường dành cho ô tô và mô tô trên cầu V. Nồng độ cồn của lái xe Nguyễn Phước T2 được Bệnh viện H2 xác nhận theo Giấy xác nhận số 64/XN-BVĐKHP ngày 20-10-2023 như sau:

“Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn (A): 2.1 mg/dL, (chỉ số bình thường < 10.1 mg/ dL”.

Do đó, Bảo M có cơ sở để từ chối bồi thường đối với tổn thất nêu trên theo khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008 và khoản 4 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm của Bảo M.

Bởi các lý do nêu trên, đủ căn cứ khẳng định:

Việc từ chối bồi thường bảo hiểm của Bảo M về tổn thất đối với xe 50H-184.67 của Công ty TNHH T4 là phù hợp với Đơn bảo hiểm số VCE/02433343 và quy định của pháp luật.

Vì vậy, Bảo M kính đề nghị Toà án: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Bảo M – Doanh nghiệp bảo hiểm có vốn góp nhà nước và để không làm thiệt hại vốn của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Ngoài ra, về thuế giá trị gia tăng, nếu người yêu cầu bảo hiểm chưa hạch toán và làm cam kết không hạch toán hoá đơn giá trị gia tăng thì Bảo M sẽ trả trực tiếp cho người yêu cầu bảo hiểm; trường hợp đã hạch toán thì Bảo M không chi trả.

Về tiền cầu xe, do Nguyên đơn đã chọn mua bảo hiểm theo dạng Nguyên đơn chọn nơi sửa chữa nên căn cứ quy tắc bảo hiểm thì trong trường hợp đồng ý chi trả bảo hiểm, Bị đơn chỉ trả chi phí cầu xe đến nơi sửa chữa gần nhất tính từ nơi xảy ra tai nạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng TNHH I1 trình bày: Về nội dung vụ án, Ngân hàng thống nhất với ý kiến của Nguyên đơn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 20-5-2024 của Ngân hàng TNHH I1 có nội dung “Toàn bộ số tiền bồi thường (nếu có) được chuyển đến tài khoản số: 6372204001, tên chủ tài khoản: Công ty TNHH T4, mở tại Ngân hàng TNHH I1” Ngân hàng xác nhận đây chỉ là ý kiến, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng – ông Võ Phước T1 trình bày:

Ông Võ Phước T1 là người điều khiển xe tải biển kiểm soát số 50H-184.67 của Công ty TNHH T4 gây tai nạn vào 00 giờ 50 phút ngày 12-9-2023 tại địa phận xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Vào lúc 00 giờ 50 phút ngày 12-9-2023, trong quá trình di chuyển trên đường từ Thành phố Hồ Chí Minh về thành phố L, tỉnh An Giang đến khu vực xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, vừa lên chân cầu V, đi làn đường bên phải của xe tải thì ông T1 bất cẩn đâm xe ô tô tải biển kiểm soát số 50H-184.67 vào dải phân cách lề đường bên phải bằng bê tông trên quốc lộ làm xe hư hỏng nặng phần gầm, xe nổ vô trước bên phải, không có thiệt hại về người và tài sản khác.

Ngay sau khi sự cố xảy ra, ông Võ Phước T1 đã chủ động gọi đường dây nóng của công ty bảo hiểm để thông báo tai nạn và báo công an địa phương để ghi nhận hiện trường. Tuy nhiên, do đây là tự gây tai nạn trong quá trình di chuyển không phải tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản nên công an địa phương không đến ghi nhận hiện trường.

Khoảng hơn 5 giờ sáng cùng ngày, nhân viên tên Nguyễn Trí K của Công ty B1 ở An Giang đến hiện trường ghi nhận sự việc.

Lúc 14 giờ 20 phút chiều cùng ngày 12-9-2023, ông Võ Phước T1 đến bệnh viện H2 tại số B đường T, thành phố L, tỉnh An Giang kiểm tra nồng độ cồn trong máu.

Ngày 13-9-2023, ông Võ Phước T1 làm thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường gửi Bảo Minh A.

Đến ngày 20-10-2023, Bệnh viện H2 có Giấy xác nhận số 64/XN-BVĐKHP trả lời kết quả xét nghiệm nồng độ cồn có trong máu của ông Võ Phước T1 vào ngày xét nghiệm 12-9-2023 là 2.1mg/dL, trong giới hạn bình thường (chỉ số bình thường < 10,1 mg/dL).

Trong thời điểm tai nạn xảy ra vào rạng sáng ngày 12-9-2023 vào tối ngày 11-9-2023, trên đường lái xe, khi ra khỏi cao tốc Hồ Chí Minh – Trung Lương ông Võ

Phước T1 có ghé mua cà phê pha máy và bánh quế để ăn trên đường đi. Ông Võ Phước T1 không uống bia rượu từ nhiều ngày trước khi lái xe vì những ngày trước đó ông Võ Phước T1 làm việc ở kho của Công ty.

Sự việc tiếp theo sau đó do bên Công ty TNHH T4 và Công ty B1 làm việc với nhau nên ông Võ Phước T1 không rõ. Vì sự việc chưa được giải quyết xong nên hiện tại ông Võ Phước T1 đang bị tạm đình chỉ lái xe để chờ kết quả xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

+ Tổng số tiền sửa chữa xe Công ty T4 đã yêu cầu là 526.301.424 (năm trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm lẻ một nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng. Nay, Nguyên đơn thay đổi giảm bớt một phần yêu cầu số tiền 500.000 đồng là mức miễn thường có khấu trừ do hai bên thỏa thuận; chỉ yêu cầu Bảo Minh chi trả 525.801.424 đồng

+ Về chi phí cầu xe, Công ty T4 đã yêu cầu là 9.000.000 đồng. Nay thay đổi giảm bớt một phần yêu cầu là 3.000.000 đồng, thống nhất giá trị cho phí cầu xe theo ý kiến của Bị đơn là 6.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 525.801.424 đồng + 6.000.000 đồng = 531.801.424 đồng.

- Tổng Công ty Cổ phần B thừa nhận sự kiện bảo hiểm phù hợp Điều 16 Quy tắc bảo hiểm về phạm vi bảo hiểm nhưng tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm về trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bảo M là “lái xe đang điều khiển xe trên đường mà có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá quy định của pháp luật hiện hành...” nên không đồng ý chi trả bảo hiểm. Bảo Minh chỉ không đồng ý chi trả bảo hiểm trên cơ sở này, không còn căn cứ nào khác. Về giá trị bồi thường, Bảo M thừa nhận theo Thông báo duyệt giá sửa chữa và bổ sung chứng từ chưa xác nhận trách nhiệm ngày 23-11-2023, giá trị bồi thường chi phí sửa chữa là 487.316.134 đồng (chưa tính thuế GTGT), do Nguyên đơn đã cung cấp văn bản cam kết không hạch toán thuế nên Bảo M đồng ý giá trị để xem xét bồi thường sẽ bao gồm cả thuế giá trị gia tăng; về chi phí cầu xe thì theo ý kiến của Bảo M giá trị chi phí cầu xe hợp lý là 6.000.000 đồng.

- Người làm chứng - ông Võ Phước T1 trình bày: Quá trình từ lúc xảy ra tai nạn đến lúc đến bệnh viện X, ông T1 có uống cà phê, ăn lát vật, không nhớ rõ ăn những gì, có uống thuốc dị ứng nhưng không biết thuốc gì và không chắc có ảnh hưởng kết quả xét nghiệm hay không. Về nội dung và việc giải quyết vụ án, ông T1 nhận thấy không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông T1 nên ông T1 không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 248/2024/KDTM-ST ngày 17-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc Tổng Công ty Cổ phần B trả cho Công ty TNHH T4 số tiền bồi thường bảo hiểm là 531.801.424 (năm trăm ba mươi một triệu, tám trăm lẻ một nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 24-9-2024, Tòa án nhân dân Quận 1 nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 23-9-2024 của Tổng Công ty Cổ phần B, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 274/2024/KDTM-ST ngày 26-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH T4 khởi kiện Bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B yêu cầu Bị đơn thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VCE/02433343 ngày 01-8-2023. Đây là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Bị đơn có trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Ngày 17-9-2024, Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm. Ngày 24-9-2024, Tòa án nhân dân Quận 1 nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 23-9-2024 của Bị đơn. Xét kháng cáo còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của Bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn bồi thường bảo hiểm; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của đương sự có cơ sở xác định: Ngày 01-8-2023, Nguyên đơn có ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VCE/02433343 với Bảo Minh A là Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần B để bảo hiểm vật chất xe ô tô tải biển kiểm soát 50H-184.67, số máy 6HK1262315, số khung RLEFVM34WNV000624 thuộc sở hữu của Nguyên đơn, thời hạn bảo hiểm từ 13 giờ

00 phút ngày 01-8-2023 đến 13 giờ 00 phút ngày 01-8-2024; giá trị bảo hiểm thiệt hại vật chất xe trong 1 vụ là: 2.300.000.000 đồng/vụ; mức khấu trừ: 500.000 đồng; phí bảo hiểm phải thanh toán là 42.579.900 đồng (đã bao gồm VAT) đóng trong kỳ hạn 01-8-2023 đến 15-8-2023 đã được Nguyên đơn đóng đầy đủ, đúng hạn. Xét thấy, Hợp đồng được ký kết bởi đại diện hợp pháp của hai pháp nhân, có nội dung phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[5] Vào lúc 00 giờ 50 phút ngày 12-9-2023, ông Võ Phước T1 điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát số 50H-184.67 di chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh về thành phố L, tỉnh An Giang đến khu vực xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp thì bất cẩn nên đã đâm xe ô tô tải vào giải phân cách của quốc lộ N làm xe hư hỏng nặng phần gầm; không có thiệt hại về người và tài sản khác. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, Bị đơn có cử nhân viên đến hiện trường ghi nhận sự việc. Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 12-9-2023, lái xe Võ Phước T1 đến bệnh viện H2 tại số B đường T, thành phố L, tỉnh An Giang kiểm tra nồng độ cồn trong máu. Ngày 13-9-2023, ông T1 gửi thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường đến Bị đơn. Ngày 20-10-2023, Bệnh viện H2 có Giấy xác nhận số 64/XN-BVĐKHP trả lời kết quả xét nghiệm nồng độ cồn có trong máu của ông Võ Phước T1 vào ngày xét nghiệm 12-9-2023 là 2.1mg/dL, trong giới hạn bình thường (chỉ số bình thường < 10,1 mg/dL). Ngày 04-12-2023, Bị đơn có văn bản số 0812/2023-TTBT TP . thông báo từ chối trách nhiệm bảo hiểm vật chất đối với xe ô tô tải biển kiểm soát số 50H-184.67 của Nguyên đơn.

[6] Tại phiên toà sơ thẩm, Bị đơn xác nhận Nguyên đơn đã nộp đủ hồ sơ thủ tục yêu cầu bảo hiểm trong thời gian quy định; Bị đơn cũng thừa nhận sự kiện bảo hiểm phù hợp Điều 16 Quy tắc bảo hiểm về phạm vi bảo hiểm nhưng không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bảo M. Bị đơn căn cứ Giấy xác nhận số 64/XN-BVĐKHP ngày 20-10-2023 để cho rằng lái xe đã vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008, khoản 6 Điều 5 Luật Phòng chống tác hại rượu bia và theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm “*Lái xe đang điều khiển xe trên đường mà có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá quy định của pháp luật hiện hành...*”, và đây là lý do duy nhất Bị đơn không đồng ý chi trả bảo hiểm theo yêu cầu của Nguyên đơn.

[7] Xét thấy, căn cứ các quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008, khoản 6 Điều 5 Luật Phòng chống tác hại rượu bia, điểm c khoản 6 Điều 5 Nghị định 10/2019/NĐ-CP ngày 30-12-2019 của Chính phủ và khoản 4 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm của Bị đơn đều quy định hành vi vi phạm nồng độ cồn: “khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”. Tuy nhiên, tại thời điểm xét nghiệm sau khi xảy ra tai nạn là 14 tiếng, thể hiện ông T1 có nồng độ cồn trong máu mà không xác định được thời điểm ông T1 lái xe lưu thông trên đường có nồng độ cồn trong máu hay khí thở theo như các quy định nêu trên hay không. Theo Biên bản giám định hiện trường ngày 12-9-2023 do Bị đơn cung cấp thì 4 tiếng sau khi xảy ra tai nạn nhân viên của Bị đơn mới đến hiện trường và ghi nhận: “*Tại thời điểm giám định hiện trường GDV nhận thấy lái xe Võ Phước T1 tỉnh táo không có dấu hiệu sử dụng rượu bia. Khuyến cáo lái xe đến cơ sở y tế gần nhất kiểm tra xét nghiệm nồng độ cồn trong máu trong vòng 24 tiếng*”. Mặt khác, ông T1 khai sau khi xảy ra tai nạn đến khi đi xét nghiệm, ông T1 có uống cà phê, thuốc dị ứng và ăn lật vật. Như vậy, kết quả xét nghiệm chưa đủ cơ sở để kết luận ông Võ Phước T1 vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm “*Lái xe đang điều khiển xe*

trên đường mà có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá quy định của pháp luật hiện hành... ”; phía Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh lái xe có nồng độ cồn máu khi lưu thông trên đường tại thời điểm xảy ra tai nạn. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Bị đơn có trách nhiệm chi trả bảo hiểm cho Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với phần giá trị chi trả bảo hiểm gồm chi phí sửa chữa xe 525.801.424 đồng và chi phí cầu xe 6.000.000 đồng, tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm Bị đơn thống nhất về giá trị bồi thường trong trường hợp Hội đồng xét xử xác định Bị đơn có trách nhiệm chi trả bảo hiểm cho Nguyên đơn; do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đối với giá trị chi trả bảo hiểm tổng cộng là 531.801.424 đồng.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 248/2024/KDTM-ST ngày 17-9-2024 của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 15 đến Điều 22, các điều 24, 43, 45, 46, 51 Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022; Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng; Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008; Điều 5 Luật Phòng chống tác hại rượu bia; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T4: Buộc Tổng Công ty Cổ phần B trả cho Công ty TNHH T4 số tiền bồi thường bảo hiểm là 531.801.424 (năm trăm ba mươi một triệu, tám trăm lẻ một nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí sơ thẩm là 25.272.057 (hai mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm năm mươi bảy) đồng.

Công ty TNHH T4 không phải chịu án phí. H1 lại cho Công ty TNHH T4 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.706.208 (mười hai triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm lẻ

tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2023/0045369 ngày 26-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm:

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0040888 ngày 10-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thị Quỳnh Trâm

